

Ngày thi:

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	B1	B2	H	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20		10	15				25	30	100			
1	2026268501	Võ Thị Hoàng	Anh	B20KDN	8		8.5	8				0	8	6.1	Sáu phẩy Một		
2	2026268502	Nguyễn Đắc Quỳnh	Anh	B20KDN	8		8.5	8				0	7	5.8	Năm phẩy Tám		
3	2027268503	Lê Tuấn	Anh	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
4	2027268504	Cù Duy	Bảo	B20KDN	10		9.5	9				0	8.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
5	2026268505	Trần Thị Thanh	Duyên	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
6	2026268506	Trần Thị Thanh	Hà	B20KDN	9		8.5	8.5				9	8	8.6	Tám phẩy Sáu		
7	2026268507	Tô Thị Lệ	Hằng	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
8	2026268508	Đinh Thị	Hồng	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
9	2026268509	Võ Thị Tuyết	Hồng	B20KDN	10		7.5	7.5				8	8	8.3	Tám phẩy Ba		
10	2026268510	Võ Thị	Huyền	B20KDN	10		9	9.5				9	9	9.3	Chín phẩy Ba		
11	2027268511	Nguyễn Đức Quang	Kim	B20KDN	8		6.5	7				7.5	8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
12	2026268512	Huỳnh Thị Cẩm	Lai	B20KDN	10		9	9.5				8	8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
13	2026268513	Nguyễn Thị	Liền	B20KDN	8		6.5	0				7.5	6.5	6.1	Sáu phẩy Một		
14	2026268514	Phạm Mai	Linh	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
15	2026268515	Lê Thị Thanh	Loan	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
16	2026268516	Nguyễn Thị Thùy	Mai	B20KDN	10		9.5	9.5				9	8.5	9.2	Chín phẩy Hai		
17	2027268517	Nguyễn Hồng	Minh	B20KDN	7		7.5	7.5				0	7.5	5.5	Năm phẩy Năm		
18	2026268653	Phan Thị	Nga	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
19	2026268518	Trần Thị Bích	Ngọc	B20KDN	8		8	7.5				7.5	8	7.8	Bảy phẩy Tám		
20	2026268519	Lê Thị	Nguyên	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
21	2026268520	Nguyễn Thị	Nguyệt	B20KDN	0		0	0				0	0	0.0	Không		
22	2027268521	Phan Thế Đại	Phước	B20KDN	0		6	6				0	6	3.3	Ba phẩy Ba		
23	2026268522	Nguyễn Thị Thanh	Phương	B20KDN	8		6.5	0				9	7.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
24	2026268523	Hồ Như Quỳnh	Phương	B20KDN	8.5		8.5	8				9	7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
25	2026268524	Huỳnh Thị Kiều	Phương	B20KDN	8.5		0	0				8	7	5.8	Năm phẩy Tám		
26	2026268525	Dương Thị Bích	Phượng	B20KDN	9.5		8.5	8				9	7.5	8.5	Tám phẩy Năm		
27	2027268526	Lê Đức	Tài	B20KDN	8		9	8				0	0	3.7	Ba phẩy Bảy		
28	2026268527	Lê Thị Phương	Thảo	B20KDN	10		8	7.5				7.5	7	7.9	Bảy phẩy Chín		
29	2026268528	Nguyễn Anh	Thư	B20KDN	10		8.5	8				8	8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
30	2026268529	Trương Thị	Thương	B20KDN	7		8	7.5				0	0	3.3	Ba phẩy Ba		
31	2026268530	Phạm Thị Minh	Thúy	B20KDN	8.5		7.5	7				9	7.5	8.0	Tám		
32	2026268531	Trần Thị Quỳnh	Trâm	B20KDN	10		9	9.5				8	8	8.7	Tám phẩy Bảy		
33	2026268532	Vô Minh	Trang	B20KDN	9		8	7.5				8	6.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B20KDN													
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: NÓI & TRÌNH BÀY (TIẾNG VIỆT)										ĐỢT HỌC		1	
				MÃ HỌC PHẦN : COM101										TÍN CHỈ		2	
Ngày thi:														LẦN THI		1	
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	B1	B2	H	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20		10	15				25	30	100			
34	2026268533	Dương Thị Quỳnh	Trang	B20KDN	8		0	0				9	0	3.9	Ba phẩy Chín		
35	2026268534	Lê Thị Nhã	Uyên	B20KDN	9.5		9	9				9	8.5	9.0	Chín		
36	2026268535	Lê Minh Hà	Vân	B20KDN	10		9	9				8	8.5	8.8	Tám phẩy Tám		
37	2026268536	Phan Thị Như	Ý	B20KDN	9		8.5	8				8	8	8.3	Tám phẩy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	24	65%	
2	Số sinh viên nợ	13	35%	
TỔNG CỘNG :		37	100%	

LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2015

KIỂM TRA TT ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN & B2 PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH